TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 21/2018/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 09 tháng 03 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLST/HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh: Tẩn A N, sinh năm 1990; địa chỉ: bản H, xã H, huyện P, tỉnh L;

Bị đơn: Chị: Tẩn Ngọc N1, sinh năm 1992; địa chỉ: bản H, xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh **Tẩn A N** và chị **Tẩn Ngọc N1**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Tẩn A N và bị đơn chị Tẩn Ngọc N1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Tẩn A N và chị Tẩn Ngọc N1 khai nhận thống nhất có hai con chung: cháu Tẩn Đình P, sinh ngày 16/03/2011 và cháu Tẩn Đình N2, sinh ngày 28/03/2013.

Sau ly hôn hai anh, chị thỏa thuận thống nhất anh Tẩn A N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung: cháu Tẩn Đình P và Tẩn Đình N2 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Tẩn Ngọc N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận anh Tẩn A N không yêu cầu chị Tẩn Ngọc N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

2.3. Về tài sản chung: Ghi nhận anh Tẩn A N và chị Tẩn Ngọc N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Ghi nhận nguyên đơn – anh Tẩn A N tự nguyện nộp cả án phí cho bị đơn. Vậy, tổng số tiền anh Tẩn A N phải nộp là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), khấu trừ với số tiền anh đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002073, ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh Tẩn A N được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện P.Thổ;
- Các đương sự;
- UBND xã M-P- Lai Châu
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà